

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05-4-2019
V/v Tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thơm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hữu Tấn.

Bà Nguyễn Thị Xuân Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh–Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 793/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K(L), sinh năm 1989.

Địa chỉ: số 115/A, BPQ,B T, LV, t Đ T.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: số 480/8, kTK1,pMHtp LX,AG.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị K (L) trình bày:

Về hôn nhân: Chị K và anh Nguyễn Văn T tự nguyện T đến hôn nhân chung sống như vợ chồng từ năm 2000, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, thời gian hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân 07 năm nay. Nay chị K không còn tình cảm đối với

anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị với anh T là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn T có con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/9/2007. Khi ly hôn bà K yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/9/2007, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn tại bản tự khai ngày 20/3/2019 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Ông đồng ý theo lời trình bày của bà về cuộc sống hôn nhân cũng như thời gian ly thân giữa ông và bà Nguyễn Thị K và cũng không yêu cầu đoàn tụ.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng ông bà có con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/9/2007. Khi ly hôn ông T đồng ý giao con chung cho bà K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/9/2007, ông T không cấp dưỡng nuôi con chung do bà K không yêu cầu.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị K là nguyên đơn có đơn đề xin xét xử vắng mặt ngày 03/4/2018 và ông Nguyễn Văn T là bị đơn cũng có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/3/2019.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến nay: Thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T; ông T có hộ khẩu thường trú tại thành phố Long Xuyên. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý, giải quyết.

[1.2] Trong ngày 20/3/2019 và ngày 03/4/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K và bị đơn Nguyễn Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định T hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng ông bà không T hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn T đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đến mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn T.

Theo Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm c Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình thì từ sau ngày 01/01/2001, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, không công nhận bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn T.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng ông bà có con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/9/2007. Khi ly hôn ông T đồng ý giao con chung cho bà K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/9/2007, ông T không cấp dưỡng nuôi con chung do bà K không yêu cầu xét thấy đây là sự tự nguyện của hai bên không trái với quy định pháp luật nên hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết, bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn T thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung; xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; khoản 4 Điều 147; Điều 186; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm c Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị K (Linh) và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/9/2007 cho bà Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Bà K và các thành viên trong gia đình của bà K không được cản trở ông T thăm nom chăm sóc giáo dục con chung.

- Bà Nguyễn Thị K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu số 0010654 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà Nguyễn Thị K đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị K (Linh) và ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định

tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADSTPLX
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huệ Thơm